TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ
Bản án số:26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/10/2025 .
V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Bùi Thị Mai Linh.**
- *Các Hội thẩm nhân dân* : **Ông Bùi Văn Nghiệp** và ông **Bùi Văn Mến**
- *Thư ký phiên toà:* Bà **Bùi Hồng Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Phú Thọ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà*: Bà **Bùi Thanh Lương** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2025/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 07 năm 2025 về việc : *Tranh chấp ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: **Chị Bùi Thị N** sinh năm 2000. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- *Bị đơn:* **Anh Bùi Chung Đ** sinh năm 2001.Vắng mặt

Cùng ĐKHKTT : xóm K, xã N, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân* : Chị và anh Bùi Chung Đ có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/04/2022 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình (xã N, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện có được tự do tìm hiểu.

Sau khi cưới anh Đ về nhà chị ở rể chung sống cùng gia đình chị tại xóm K xã N. Cuộc sống chung của hai vợ chồng diễn ra bình thường đến khoảng đầu năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã nhau. Hơn nữa anh Đ không quan tâm đến vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình và chu cấp kinh tế để chị nuôi con mà để chị tự một mình bươn chải. Gia đình nội ngoại hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi kiến cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc. Hiện anh Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa thi thoảng mới về. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay, không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Chung Đ. Chị cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở đâu, quá trình giải quyết vụ án chị và gia đình có gọi điện động viên anh Đ về để giải quyết nhưng anh Đ cố tình không hợp tác, giấu địa chỉ nơi làm việc và lấy lý do đi làm xa không về được để gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

- *Về con chung* : Có 01 con Bùi Quỳnh A sinh ngày 01/10/2022, hiện cháu đang sống

cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm Công ty ở gần nhà, thu nhập trung bình 7.300.000đồng/1 tháng, ngoài ra ông bà ngoại cũng đỡ đần phụ giúp chị trông nom chăm sóc cháu.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp*: Không có.

- *Về công nợ chung* : Chị N cam đoan vợ chồng không có công nợ chung.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Chung Đ vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và địa phương nơi cư trú của các đương sự, theo kết quả xác minh :

Sau khi kết hôn, anh Đ chuyển về sinh sống cùng gia đình chị N tại xóm K xã N tỉnh Phú Thọ và đăng ký HKTT tại đây, đến nay anh Đ vẫn chưa cắt chuyển khẩu đi đâu. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại xóm C xã N tỉnh Phú Thọ từ tháng 5/2025 đến nay. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay anh Đ đang đi làm ăn xa ở tỉnh Cao Bằng, thi thoảng mới về thăm nhà, không rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình và chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh Đ biết.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- *Về nội dung* : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ :

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Chung Đ.

- Về con chung : Giao con chung là cháu Bùi Quỳnh A sinh ngày 01/10/2022 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi hôn theo quy định pháp luật không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp : Không có

- Về công nợ chung : Không có.

Đương sự có quyền kháng cáo và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng : Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc " Ly hôn ". Bị đơn có đăng ký HKTT tại xóm K xã N tỉnh Phú Thọ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Phú Thọ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. *Nội dung vụ án* :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét chị Bùi Thị N và anh Bùi Chung Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có thời gian được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã N, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 26/4/2022. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã nhau, gia đình nội ngoại hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 5/2025 anh Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng sống ly thân kể từ đó, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ là có thật, đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Hơn nữa, anh Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa làm việc để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ anh Đ cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị N để giải phóng cho chị.

- *Về con chung* : Có 01 con Bùi Quỳnh A sinh ngày 01/10/2022, hiện cháu đang sinh sống cùng chị N và ông bà ngoại tại xóm K, xã N.

Xét thấy cuộc sống của cháu vẫn ổn định và phát triển bình thường về cả thể chất và tinh thần. Hơn nữa cháu là con gái còn nhỏ tuổi nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Chị N có công ăn việc làm thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy cần giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi hôn theo quy định pháp luật không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp* : Không có

- *Về công nợ chung* : Không có.

[3]. Về án phí : Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Chung Đ.

- *Về con chung* : Giao con chung là cháu Bùi Quỳnh A sinh ngày 01/10/2022 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi hôn theo quy định pháp luật không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp* : Không có

- *Về công nợ chung* : Không có.

2. Về án phí : Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000896 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Mai Linh